Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
7	08224240	CA THANH NHÀN	TC08QLBT	8.0	0.34	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	3	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	4	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
8	08224245	LÊ HỒNG PHƯƠNG	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
9	08224248	LÝ NGUYỄN HOÀNG SANG	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
10	08224254	PHẠM TRƯỜNG THANH	TC08QLBT	29.0	0.93	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
11	08224258	CAO THỊ DIỆU THU	TC08QLBT	1.0	0.05	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
12	08224260	TẠ KIM THƯỢNG	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
13	08224261	NGUYỄN THÀNH TÍNH	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
14	08224265	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
15	08224267	ĐOÀN THỊ BÍCH TUYỀN	TC08QLBT	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		082	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
16	08224268	NGUYỄN QUỐC VIỆT	TC08QLBT	13.0	0.35	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		082		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	V
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	V
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	V
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 6 TC (Min)

0101. 202609 Logic học 2
202621 Xã hội học đại cương 2
202625 Địa lý tự nhiên 2
208102 Địa lý kinh tế 2
208211 Kinh tế lượng căn bản 3
208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3
212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 2: 18 TC (Min)			
0201.	204306	Nông học đại cương	2
	209103	Trắc địa công trình	3
	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3
	209108	Viễn thám ứng dụng	2
	209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112	Bản đồ địa hình	2
	209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209203	Thị trường bất động sản	2
	209215	Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303	Phân hạng đất	2
	209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2
	209310	Quản lý nguồn nước	2
	209311	Lập luận chứng KT-KT	2
	209312	QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313	Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209314	Hệ thống nông nghiệp	2
	212507	Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 3: 10 TC (Min)			
0301.	209123	Trắc địa - Bản đồ	2
	209315	Quy hoạch	3
	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914	Tiểu luận tốt nghiệp	5

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014
Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080B1

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH) (TC08QLKH)

(Hệ vừa làm vừa học)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	08224102	PHẠM QUỐC	ANH	TC08QLKH	100.0	5.12	209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	4 V
							209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
								Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
								Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	08224104	NGUYỄN TRỌNG	BÌNH	TC08QLKH	36.0	1.58	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	3 4
							202121	Xác suất thống kê	3		092	1 3
							209101	Trắc địa đại cương	3		101	V
							209102	Trắc địa địa chính	3		111	V
							209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V
							209110	Bản đồ học	3		101	V V
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V
							209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V V
							209202	Kinh tế đất đai	2		101	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
3	08224110	VŨ ĐÌNH DẬU	TC08QLKH	128.0	5.94	202622	Pháp luật đại cương	2		132	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	0
4	08224115	NGUYỄN HẢI DUY	TC08QLKH	13.0	0.53	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
5	08224117	TRẦM THỊ TRANG ĐÀI	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
6	08224118	NGUYỄN ĐỨC ĐẠO	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
7	08224119	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TC08QLKH	3.0	0.13	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
8	08224122	NGUYỄN HOÀNG HẠNH	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
9	08224132	LÊ PHÚC HÒA	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
10	08224131	NGUYỄN HOÀNG HỒNG	TC08QLKH	13.0	0.38	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
11	08224136	HOÀNG H?U HÙNG	TC08QLKH	16.0	0.59	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
12	08224137	HOÀNG NGỌC HUY	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
13	08224134	NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
						213601	Anh văn 1	5		082	V V
						213602	Anh văn 2	5		091	V
						214101	Tin học đại cương	3		082	V V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
14	08224140	LƯƠNG CÔNG KIÊN	TC08QLKH	97.0	4.80	209301	Tài nguyên đất đai	3		101	4 V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	4 V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	3 V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	3
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
15	08224141	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TC08QLKH	111.0	5.41	202115	Toán cao cấp C2	3		091	3 3
						202121	Xác suất thống kê	3		092	4 3
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	2 V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	4
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
								Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
16	08224142	LÊ TÂN	LẬP	TC08QLKH	128.0	6.37		Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3			
17	08224147	NGUYỄN THANH	LONG	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
							202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
							202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
							202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
							202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	
							208110	Kinh tế ví mô 1	3		092	V	V
							209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
							209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
							209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
							209110	Bản đồ học	3		101	V	V
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
							209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
							209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
							209210	Định giá đất đai	2		112	V	
							209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
							209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
18	08224150	TRẦN NHẬT NAM	TC08QLKH	0.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		092	V	V
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	V	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		091	V	
						202114	Toán cao cấp C1	3		082	V	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		091	V	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	V	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		092	V	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		091	V	

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		092	V	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		102	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		111	V	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		111	V	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		112	V	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V	
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		121	V	
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		121	V	
						213601	Anh văn 1	5		082	V	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213602	Anh văn 2	5		091	V	
						214101	Tin học đại cương	3		082	V	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		102	V	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		102	V	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3			
19	08224152	PHẠM VĂN NHÂN	TC08QLKH	46.0	2.17	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		091	3	V
						202121	Xác suất thống kê	3		092	4	2
						209101	Trắc địa đại cương	3		101	V	
						209102	Trắc địa địa chính	3		111	V	
						209107	Viễn thám cơ sở	3		102	V	
						209110	Bản đồ học	3		101	V	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		111	V	
						209118	Tin học chuyên ngành	3		111	V	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		112	V	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		101	V	
						209210	Định giá đất đai	2		112	V	
						209301	Tài nguyên đất đai	3		101	V	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V	
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		112	V	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		111	V	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		112	V	
						209401	Luật đất đai	2		102	V	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		111	V	V